| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày 22/5/2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Thanh Khánh
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Đình Hùng
Bà Lê Thị Liền

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Kim Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Liễn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị; địa chỉ: A H, xã D, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 329/2025/TLST-DS ngày 15/12/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-DS ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:**

- Công ty cổ phần M; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, Thành phố Hà Nội. Mã số doanh nghiệp: 0110467848.

- Ngân hàng TMCP V1 (V2); địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội. Mã số doanh nghiệp: 0100233583.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T; CCCD: 066096021612 và ông Hoàng Tân Thiên K; CCCD: 046201005961 – Chuyên viên xử lý nợ, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Ông Trương Tuấn V, sinh năm 1992; CCCD: 045092009577; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/9/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình quan hệ tín dụng, ông Trương Tuấn V có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V1 với các Hợp đồng cụ thể cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2309280397388 ký ngày 30/9/2023 với số tiền cho vay 230.000.000 đồng, lãi suất 10.3%/năm, lãi suất cố định 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, hết thời gian này, lãi suất được điền chỉnh (+) biên độ 03%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310120543594 ký ngày 19/10/2023 với số tiền cho vay: 1.302.000.000 đồng, lãi suất 7.49%/năm, lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn này, lãi suất được điều chỉnh (+) 04%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Ngày 19/10/2023 giải ngân 358.000.000đồng.

+ Ngày 26/10/2023 giải ngân 944.000.000đồng.

- Hợp đồng cho vay số LN2401041453293 ký ngày 12/01/2024 với số tiền cho vay: 460.000.000 đồng, lãi suất 10.9%/năm, lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn này, lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 3.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/10/2023, hạn mức đề nghị: 11.500.000 đồng.

Đề đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Trương Tuấn V đã thế chấp các tài sản sau:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 724, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 421709, số vào sổ cấp GCN: VP01112 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL421707, số vào sổ cấp GCN: VP01110 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE363770, số vào sổ cấp GCN: CS00586 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/6/2022.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1068, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI032763, số vào sổ cấp GCN: CS03880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/01/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Tuấn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/01/2025 nên toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng.

Ngày 29/5/2025, Ngân hàng TMCP V1 chuyển nhượng cho Công ty cổ phần M 95% khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng đã ký kết với ông Trương Tuấn V. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP V1. Do đó, Công ty cổ phần M là đồng nguyên đơn trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là khoản nợ tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/10/2023 với số tiền 11.500.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn xin rút yêu cầu xử lý tài sản đối với đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 724, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 421709, số vào sổ cấp GCN: VP01112 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023; thửa đất số 526, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE363770, số vào số cấp GCN: CS00586 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/6/2022 và thửa đất số 1068, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI032763, số vào sổ cấp GCN: CS03880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/01/2023.

Tính đến ngày 22/5/2026, ông Trương Tuấn V còn nợ Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền: 2.307.044.029 đồng. Gồm: Tiền gốc là 1.920.947.000 đồng, lãi trong hạn: 10.820.165 đồng, lãi quá hạn: 375.276.864 đồng. Trong đó:

Nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 2.191.691.828 đồng. Gồm, nợ gốc: 1.824.899.650 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.279.157 đồng; nợ lãi quá hạn là: 356.513.021 đồng.

Nợ Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là: 115.352.201 đồng. Gồm, nợ gốc: 96.047.350 đồng; nợ lãi trong hạn là: 541.008 đồng; nợ lãi quá hạn là: 18.763.843 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu ông Trương Tuấn V trả hết số tiền còn nợ nói trên, trường hợp không trả thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL421707, số vào số cấp GCN: VP01110 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023 để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho ông Trương Tuấn V nhưng ông V không đến Tòa án làm việc và không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 26, 35, 39, 97, 171, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 241, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 368, 463, 466, 470 322, 465 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Tuấn V trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền 2.307.044.029 đồng. Gồm, tiền gốc: 1.920.947.000 đồng, lãi trong hạn: 10.820.165 đồng, lãi quá hạn: 375.276.864 đồng. Trong đó:

Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 2.191.691.828 đồng. Gồm, nợ gốc: 1.824.899.650 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.279.157 đồng; nợ lãi quá hạn là: 356.513.021 đồng.

Trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là: 115.352.201 đồng. Gồm, nợ gốc: 96.047.350 đồng; nợ lãi trong hạn là: 541.008 đồng; nợ lãi quá hạn là: 18.763.843 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số LN2309280397388 ký ngày 30/9/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310120543594 ký ngày 19/10/2023, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 26/10/2023, Giấy đề nghị giải ngân ngày 19/10/2023 và 26/10/2023; Hợp đồng cho vay số LN2401041453293 ký ngày 12/01/2024

Trường hợp ông Trương Tuấn V không trả hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đình chỉ xét xử đối với các nội dung rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử

xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật  tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật  tụng dân sự, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Về tính pháp lý của các hợp đồng: Hợp đồng cho vay số LN2309280397388 ký ngày 30/9/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310120543594 ký ngày 19/10/2023, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 26/10/2023, Giấy đề nghị giải ngân ngày 19/10/2023 và 26/10/2023; Hợp đồng cho vay số LN2401041453293 ký ngày 12/01/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2310120543594 ký  ngày 19/10/2023 đều hợp pháp. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung đã ký kết tại các  đồng này.

[5].  Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1]. Đối với nợ gốc: Sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đủ số tiền mà các bên đã ký kết tại các hợp đồng. Tính đến ngày 22/5/2026, ông Trương Tuấn V còn nợ Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền gốc là 1.920.947.000  đồng. Do đó, buộc ông Trương Tuấn V phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M số tiền gốc nói trên.

[5.2]. Đối với lãi trong hạn.

- Hợp đồng cho vay số LN2309280397388 ký ngày 30/9/2023, lãi suất 10.3%/năm, lãi suất cố định 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, hết thời gian này, lãi suất được điền chỉnh (+) biên độ 03%/năm.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310120543594 ký ngày 19/10/2023, lãi suất 7.49%/năm, lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn này, lãi suất được điều chỉnh (+) 04%/năm.

- Hợp đồng cho vay số LN2401041453293 ký ngày 12/01/2024, lãi suất 10.9%/năm, lãi suất cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn này, lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 3.5%/năm.

Do đó, số tiền lãi trong hạn của các Hợp đồng tín dụng nói trên mà ông Trương Tuấn V còn nợ nguyên đơn là 10.820.165 đồng.

[5.3]. Đối với lãi quá hạn.

Tại các hợp đồng thể hiện, lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá

hạn (lãi suất quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, lãi suất quá hạn của các hợp đồng nói trên là 375.276.864 đồng.

[6]. Về xử lý tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL421707, số vào sổ cấp GCN: VP01110 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023 cho hộ bà Lê Thị Lệ H, được đính chính chuyển nhượng cho ông Trương Tuấn V vào ngày 18/10/2023.

[7]. Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng với quy định của phá luật nên cần được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, Điều 147, điển a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 241, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 365, 368, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 (V2).

**2.** Buộc ông Trương Tuấn V trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền 2.307.044.029 đồng (hai tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm hai mươi chín đồng). Gồm, tiền gốc: 1.920.947.000 đồng; lãi trong hạn: 10.820.165 đồng; lãi quá hạn: 375.276.864 đồng. Trong đó:

Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 2.191.691.828 đồng (hai tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi mốt ngàn, tám trăm hai mươi tám đồng). Gồm, nợ gốc: 1.824.899.650 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.279.157 đồng; nợ lãi quá hạn là: 356.513.021 đồng.

Trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền là: 115.352.201 đồng (một trăm mười lăm triệu, ba trăn năm mươi hai ngàn, hai trăm lẻ một đồng). Gồm, nợ gốc: 96.047.350 đồng; nợ lãi trong hạn là: 541.008 đồng; nợ lãi quá hạn là: 18.763.843 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số LN2309280397388 ký ngày 30/9/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310120543594 ký ngày 19/10/2023, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ký ngày 26/10/2023, Giấy đề nghị giải ngân ngày 19/10/2023 và 26/10/2023; Hợp đồng cho vay số LN2401041453293 ký ngày 12/01/2024.

(Có bảng tính lãi kèm theo)

- Trường hợp ông Trương Tuấn V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, trong đó có 265.0m$^2$ đất ở tại nông thôn và 745.8m$^2$ đất trồng cây hàng năm khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL421707, số vào sổ cấp GCN: VP01110 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023 cho hộ bà Lê Thị Lệ H, được đính chính chuyển nhượng cho ông Trương Tuấn V vào ngày 18/10/2023.

Kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả xong nợ, ông Trương Tuấn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nói trên.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3**. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- Khoản nợ tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 02/10/2023 với số tiền 11.500.000 đồng.

- Yêu cầu xử lý tài sản đối với đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 724, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã D, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 421709, số vào sổ cấp GCN: VP01112 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q cấp ngày 12/9/2023; thửa đất số 526, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE363770, số vào số cấp GCN: CS00586 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/6/2022 và thửa đất số 1068, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã C, tỉnh Quảng Trị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI032763, số vào sổ cấp GCN: CS03880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/01/2023.

**4.** Về án phí: Ông Trương Tuấn V phải chịu 78.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.332.329 đồng theo biên lai số 0002314 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Khánh**